

Bảng cộng (qua 10)

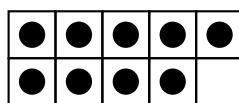
Họ và tên: _____

Ngày: _____

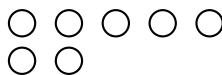
DẠNG 1. Tính nhẩm

Gợi ý: làm tròn 10 (tách số thứ hai để lấp cho đủ 10, rồi cộng phần còn lại), hoặc nhớ bảng cộng. Số bé đứng trước thì đổi chỗ cho dễ.

Bài 1. Tính nhẩm. (Có thể vẽ chấm tròn vào khung 10 ô cho dễ.)



9 chấm trong khung

7 chấm bên ngoài: $9 + 7 = ?$

a) $9 + 7 = \square$

b) $8 + 8 = \square$

c) $6 + 9 = \square$

d) $4 + 7 = \square$

e) $3 + 8 = \square$

f) $8 + 5 = \square$

Bài 2. Số nào? Điền vào ô trống.

a) $9 + \square = 15$

b) $\square + 8 = 13$

c) $7 + \square = 11$

DẠNG 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$

Gợi ý: tính kết quả mỗi bên trước, rồi mới so sánh. Đừng chỉ nhìn số đứng đầu mà đoán!

Bài 3. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

a) $9 + 6 \square 14$

b) $7 + 4 \square 12$

c) $8 + 5 \square 13$

Bài 4. Điền dấu $>$, $<$ hoặc $=$ vào ô trống.

a) $6 + 9 \square 9 + 6$

b) $8 + 8 \square 9 + 6$

c) $5 + 8 \square 9 + 7$

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Gợi ý: đọc kĩ đề, tìm hai số; hỏi “có tất cả bao nhiêu” thì làm phép cộng. Viết câu lời giải, phép tính, đáp số.

Bài 5. Vườn nhà Bi có 8 cây bưởi và 5 cây cam. Hỏi vườn nhà Bi có tất cả bao nhiêu cây?

.....

.....

.....

Bài 6. Giá sách có 7 quyển truyện tranh. Mẹ mua thêm 4 quyển nữa.

a) Giá sách có tất cả bao nhiêu quyển truyện?

.....

.....

.....

b) Sau đó bạn Na tặng thêm 5 quyển. Bây giờ giá sách có bao nhiêu quyển truyện?

.....

.....

.....

Bảng cộng (qua 10)

DẠNG 1. Tính nhẩm

Cách làm. Ví dụ $6 + 9$: đổi chỗ thành $9 + 6$. 9 cần thêm 1 để đủ 10; tách $6 = 1 + 5$; $10 + 5 = 15$.

Bài 1.

- a) $9 + 1 = 10$; $10 + 6 = 16$. Đáp án:
- b) $8 + 2 = 10$; $10 + 6 = 16$. Đáp án:
- c) Đổi chỗ: $9 + 6$. $9 + 1 = 10$; $10 + 5 = 15$. Đáp án:
- d) Đổi chỗ: $7 + 4$. $7 + 3 = 10$; $10 + 1 = 11$. Đáp án:
- e) Đổi chỗ: $8 + 3$. $8 + 2 = 10$; $10 + 1 = 11$. Đáp án:
- f) $8 + 2 = 10$; $10 + 3 = 13$. Đáp án:

Bài 2.

- a) $9 + 1 = 10$, cần thêm 5 nữa cho đủ 15: $1 + 5 = 6$. Thử lại: $9 + 6 = 15$. Đáp án:
- b) Đổi chỗ: $8 + \square = 13$. $8 + 2 = 10$, thêm 3 nữa: $2 + 3 = 5$. Thử lại: $5 + 8 = 13$. Đáp án:
- c) $7 + 3 = 10$, thêm 1 nữa: $3 + 1 = 4$. Thử lại: $7 + 4 = 11$. Đáp án:

DẠNG 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$

Cách làm. Tính mỗi phép cộng ra một số, rồi so sánh hai số đó. Đổi chỗ các số thì kết quả không đổi.

Bài 3.

- a) $9 + 6 = 15$; $15 > 14$. Đáp án:
- b) $7 + 4 = 11$; $11 < 12$. Đáp án:
- c) $8 + 5 = 13$; $13 = 13$. Đáp án:

Bài 4.

- a) Đổi chỗ các số, kết quả không đổi: cả hai bằng 15. Đáp án:

b) $8 + 8 = 16$; $9 + 6 = 15$; $16 > 15$. Đáp án: $8 + 8 > 9 + 6$

c) $5 + 8 = 13$; $9 + 7 = 16$; $13 < 16$. Đáp án: $5 + 8 < 9 + 7$

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Cách làm. Bài giải gồm 3 dòng: câu lời giải (...là:), phép tính có đơn vị trong ngoặc, đáp số.

Bài 5. Số cây trong vườn nhà Bi là: $8 + 5 = 13$ (cây). Đáp số: 13 cây.

Đáp án: 13 cây

Bài 6.

a) Số quyển truyện trên giá là: $7 + 4 = 11$ (quyển). Đáp số: 11 quyển. Đáp án:

11 quyển

b) Số quyển truyện bây giờ là: $11 + 5 = 16$ (quyển). Đáp số: 16 quyển. Đáp án:

16 quyển